TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÝ NHÂN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 7 - 2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Thành Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quyên.

2. Bà Trần Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhật Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Trương Hoàng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị L, sinh năm 1988;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Q (xóm 15, thôn Q cũ), xã V, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Nơi ở hiện nay: Thôn N, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn Q (xóm 15, thôn Q cũ), xã V, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa: Có mặt chị L; anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hà Thị L và anh Đỗ Văn T lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh Hà Nam vào ngày 13/7/2009.

Theo chị L nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng từ đầu năm 2010, do anh T nghiện ma túy, thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời, giao du với những đối tượng xấu làm ảnh hưởng đến cuộc sống và kinh tế gia đình. Nhiều lần chị L và gia đình khuyên bảo anh T cai nghiện nhưng không được. Đầu năm 2011 anh T bị Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* đến năm 2014 anh T chấp hành xong án phạt tù. Vợ chồng tiếp tục chung sống cùng nhau nhưng anh T không thay đổi mà ngày càng nghiện nặng hơn nên chị L xác định không thể tiếp tục chung sống cùng anh T được nữa. Từ đầu năm 2018 đến nay, vợ chồng chị L và anh T sống ly thân nhau, nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- *Về con chung:* Chị L và anh T có 01 con chung là cháu Đỗ Hà L, sinh ngày 15/02/2010, hiện nay cháu đang ở cùng chị L và ông bà ngoại cháu tại thôn N, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Theo ý kiến của L cho rằng anh T không đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L vì anh T nghiện ma túy làm ảnh hưởng lớn đến tâm lý và cuộc sống của cháu. Mặt khác, chị L đã có công việc, thu nhập ổn định và chị đang ở cùng bố mẹ đẻ thì ông bà cũng có thể chăm sóc cháu L cùng chị. Vì vậy, chị L xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- *Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác:* Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh T không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Hà Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh Đỗ Văn T. Về con chung: Chị L xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và việc chấp hành pháp

luật của người tham gia tố tụng (chị L) kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật. Đối với anh T chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý đến thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết ly hôn giữa chị Hà Thị L và anh Đỗ Văn T. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Đỗ Hà L, sinh ngày 15/02/2010 cho chị Hà Thị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi; anh Đỗ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Hà Thị L. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị L với anh Đỗ Văn T và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lý Nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên, bị đơn là anh Đỗ Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị L và anh Đỗ Văn T lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh Hà Nam vào ngày 13/7/2009.

Chị Hà Thị L cho rằng: Vợ chồng anh chị chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh T nghiện ma túy, thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời, giao du với những đối tượng xấu làm ảnh hưởng đến cuộc sống và kinh tế gia đình. Từ đầu năm 2018 đến nay vợ chồng chị L và anh T sống ly thân nhau, không quan tâm tới cuộc sống chung. Mặt khác, theo kết quả xác minh tại địa phương và xác nhận nơi cư trú của anh Tám cùng các tài liệu, chứng cứ khác lưu trong hồ sơ vụ án đều xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng chị L và anh T xảy ra mâu thuẫn do anh T nghiện ma túy. Chị L cùng gia đình nhiều lần khuyên bảo anh T không sử dụng ma túy nhưng anh T không thay đổi. Từ đầu năm 2018 đến nay vợ chồng anh chị ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm.

Từ những phân tích nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng chị L, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Vì vậy, Hội đồng xét xét chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là cháu Đỗ Hà L, sinh ngày 15/02/2010, hiện nay cháu đang ở cùng chị L và ông bà ngoại cháu tại thôn N, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Hội đồng xét xử nhận định: Về điều kiện chỗ ở hiện nay, chị L đang sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ, được gia đình hỗ trợ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị L có công việc và thu nhập ổn định là 8.500.000 đồng/tháng và cháu L đã trên 07 tuổi, cháu có nguyện vọng được ở cùng chị L. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu L, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, tinh thần và theo nguyện vọng của cháu L. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu L cho chị L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế và các quy định của pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Hà Thị L phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; các Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Hà Thị L và anh Đỗ Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Hà L, sinh ngày 15/02/2010 cho Hà Thị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh Đỗ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Hà Thị L.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Hà Thị L phải nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, đối trừ tiền tạm ứng án phí chị Hà Thị L đã nộp 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai số AA/2010/0003651 ngày 17 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hà Nam. Chị Hà Thị L đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS L;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thành Nam